

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/4/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Miên

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2018/TLST - HNGĐ ngày 08/01/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1982

Bị đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, Bình Phước.

Bà T và ông T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Anh T tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống từ tháng 4/1999 sau khi có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm nhưng đến tháng 01/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2009 ông T bắt đầu uống rượu, cứ mỗi lần uống rượu say lại chửi bới, đánh đập bà. Ông T càng ngày càng đánh

đập bà nhiều hơn do càng ngày càng uống nhiều rượu. Mặt khác, quan hệ giữa bà và mẹ chồng (mẹ ông T) cũng không được tốt, cứ mỗi lần ông T đánh bà thì mẹ ông T lại hùa vào để ông T đánh bà nhiều hơn. Vợ chồng bà đã sống ly thân nhau 07 năm nay, bà sống ở nhà riêng trong rẫy còn ông T chủ yếu sống với mẹ. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng nhưng bà vẫn cố chịu đựng vì con. Nhưng tháng 11/2017, ông T và mẹ chồng bà tự tổ chức đám cưới cho con trai lớn của bà là Lê Đức Tùng mà không cho bà tham dự, ngày cưới của con trai bà cũng không được có mặt. Do đó, bà không còn muốn níu kéo hôn nhân với ông T nữa. Bà đã đưa 02 con nhỏ chuyển đến sống tại xã Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông từ tháng 11/2017. Mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, đánh đập bà T, ông T thường hay uống rượu, vợ chồng không cùng quan điểm sống, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay, bà T đã về Đắk Nông sinh sống và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 người con chung là cháu Lê Đức T, sinh ngày 09/01/2000; cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi 02 người con chung là cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Do cháu T đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu.

Quan điểm của bà T về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà T có quan điểm các cháu muốn ở với bố hay với mẹ bà đều đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn ông Lê Anh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2002.

Ông uống rượu từ năm 2009, ngày nào ông cũng uống rượu nhưng ông không đánh đập, chửi mắng bà T. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, ông không biết nguyên nhân tại sao nhưng vào ngày cưới con trai lớn của ông bà tháng 11/2017, bà T đưa 2 con nhỏ bỏ đi Đắk Nông. Ông có 2 lần đến tìm bà T nhưng không gặp, lần cuối cùng ông

đến tìm là trước tết dương lịch năm 2017, từ đó đến nay ông không đi tìm bà T về nhà nữa. Ông cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn, vợ chồng vẫn hạnh phúc nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 người con chung là cháu Lê Đức T, sinh ngày 09/01/2000; cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009. Nếu Tòa án giải quyết vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý giao cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Thẩm phán có sai phạm như: Tòa án nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà T ngày 21/12/2017 nhưng ngày 08/01/2018 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý vụ án trong ngày 08/01/2018 là vi phạm; không có Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà ly hôn với ông T vì lý do ông T nghiện rượu, thường say xỉn và đánh đập bà. Tại phiên tòa, bà T trình bày vợ chồng bà sống ly thân nhau 07 năm nay, bà và các con sống trong ngôi nhà trong rẫy, còn ông T chủ yếu sống với bố mẹ, mỗi năm thời gian chung sống vợ chồng chỉ khoảng 01 tháng. Mặc dù cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nhưng bà vẫn cố chịu đựng vì các con nhưng khi con trai lớn của ông bà là cháu Lê Đức Tùng xây dựng gia đình, gia đình nhà chồng đã không bàn bạc với bà mà tự ý tổ chức đám cưới cho cháu và không cho bà tham dự. Do đó, bà đã đưa 2 con nhỏ về Đắk Nông sinh sống. Bà T xác định vẫn còn tình cảm với ông T nhưng bà xác định cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa, ông T trình bày cuộc sống chung vợ chồng ông bà vẫn hạnh phúc đến thời điểm hiện tại, ông thừa nhận ngày nào ông cũng uống rượu nhưng ông không đánh đập, chửi mắng bà T. Nhưng ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2017 đến nay, bà T đã đưa 2 con nhỏ về Đắk Nông sinh sống. Trong thời gian sống ly thân nhau, ông có 2 lần đến Đắk Nông tìm bà T nhưng không gặp, lần cuối cùng trước Tết dương lịch năm 2018, từ đó đến nay ông không đi tìm bà T về nữa vì ông cho rằng bà T tự đi thì phải tự về. Ông không thừa nhận gia đình ông không cho bà T tham dự đám cưới con trai mà do bà T bỏ đi, không tham dự đám cưới của con. Ông T thừa nhận trong 07 năm qua, ông chủ yếu sống với bố mẹ đẻ, ít sống chung với vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, cả ông T và bà T đều thừa nhận vợ chồng ông bà ít chung sống với nhau 07 năm qua, ông T chủ yếu sống với bố mẹ đẻ. Đám cưới của con trai ông bà không có đầy đủ cả bố và mẹ tham dự. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2017 đến nay. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa ông thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông có đi tìm bà T 2 lần nhưng không gặp, sau đó ông không đi tìm bà T nữa mà cho rằng bà T tự bỏ đi thì bà T tự về, ông không đi tìm nữa. Điều này chứng tỏ bản thân ông T cũng không mặn mà với việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận nếu vợ chồng quay về chung sống với nhau thì ông cũng không chắc chắn vợ chồng có hạnh phúc hay không. Mặt khác, tại phiên tòa 2 con chung của ông bà là cháu Lê Đức Thanh Thế và Lê Thanh Thúy đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ (bà T) vì bố (ông T) thường hay uống rượu say rồi đánh đập, chửi mắng bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét

thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông T bà T là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có 03 người con chung là cháu Lê Đức Tùng, sinh ngày 09/01/2000; cháu Lê Đức Thanh Thế, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh Trúc, sinh ngày 02/01/2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T đồng ý để bà T nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009. Xét thấy quan điểm về con chung của bà T và ông T phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu là muốn ở với mẹ (bà T). Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định về thể chất cũng như tinh thần của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng về nuôi dưỡng con chung của các đương sự, giao 02 người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Do cháu Lê Đức T đã trưởng thành, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong thời gian nuôi con, bà T phải tạo mọi điều kiện tốt nhất cho ông T qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Anh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Đức Thanh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026229 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riêng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- UBND xã Phú Trung;
- Chi cục THADS H. Phú Riêng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Thị Hải